

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày 09 - 3 - 2020
V/v: Tranh chấp HĐ tín dụng,
Hợp đồng thế chấp tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh

2. Bà Nguyễn Thị Phi

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Tất Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 117/2019/TLST-DS ngày 29/7/2019 về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 đường H, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quang S - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ chi nhánh: Số 215 đường D, khu phố B, thị trấn T, huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Người được ủy quyền lại: Bà Hồ Thị Thảo L - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S, tỉnh Ninh Thuận.

Theo Giấy ủy quyền số: 475/GUQ/NHNoNT-NS ngày 10/7/2019 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1978.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Lê Thị Minh Ng, sinh năm: 1980.

- Anh Trần Phi N, sinh năm: 2001.

Cùng địa chỉ: Thôn H2, xã Q, huyện S, tỉnh Ninh Thuận (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ngân hàng N và trong quá trình tham gia tố tụng, người được ủy quyền lại của nguyên đơn là bà Hồ Thị Thảo L trình bày:

Ngân hàng N có cho vợ chồng ông Trần Văn M và bà Lê Thị Minh Ng vay tiền thông qua 02 Hợp đồng tín dụng; Cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.A/HĐTD ngày 26/6/2017, Ngân hàng N có cho vợ chồng ông M, bà Ng vay số tiền: 200.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: Trồng mía.
- Lãi suất trong hạn: 10%/năm tính trên nợ gốc.
- Phương thức áp dụng: Lãi suất điều chỉnh.
- Lãi suất quá hạn: = 150% lãi suất trong hạn.
- Lãi suất hiện nay: 10,2%/năm.
- Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày 26/6/2017 đến ngày 25/6/2022.
- Kỳ hạn trả nợ: Tiền gốc và tiền lãi trả theo định kỳ hàng năm được thể hiện tại phiếu theo dõi kỳ hạn trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng.
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp quyền sử dụng đất.

2. Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.B/HĐTD và Phụ lục hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.A/PLHĐTD cùng ngày 26/6/2018, Ngân hàng N có cho vợ chồng ông M, bà Ng vay số tiền: 20.000.000 đồng.

- Mục đích sử dụng tiền vay: Trồng khoai mì.
- Lãi suất trong hạn: 07%/năm tính trên nợ gốc.
- Phương thức áp dụng: Lãi suất cố định.
- Lãi suất quá hạn: = 150% lãi suất trong hạn.
- Lãi suất hiện nay: 07%/năm.
- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày 26/6/2018 đến ngày 25/6/2019.
- Kỳ hạn trả nợ: Tiền gốc và tiền lãi trả theo định kỳ được thể hiện tại phiếu theo dõi kỳ hạn trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng.
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp quyền sử dụng đất.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho 02 khoản vay, các thành viên trong Hộ gia đình ông M gồm có: (Ông M là chủ hộ, bà Ng là vợ ông M và anh Trần Phi N là con

của ông M, bà Ng) đã ủy quyền cho ông M làm đại diện ký kết với Ngân hàng N Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/HĐTC ngày 26/6/2017 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/PL-HĐTC ngày 26/6/2018. Tài sản bảo đảm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BB 602233 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ ông M ngày 20/10/2010.

Thực hiện 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng N đã giải ngân và ông M đã nhận đủ số tiền vay: 220.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng ông M, bà Ng chỉ có trả cho Ngân hàng N được 01 kỳ nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.A/HĐTD ngày 26/6/2017. Kể từ ngày 25/6/2019 cho đến nay, vợ chồng ông M, bà Ng không trả cho Ngân hàng N bất kỳ khoản nợ gốc và nợ lãi nào. Mặc dù Ngân hàng N đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu thanh toán các khoản nợ đến hạn nhưng vợ chồng ông M, bà Ng vẫn cố tình không trả nợ. Hiện nay, gia đình ông M đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng N biết.

Tính đến ngày 09/3/2020, vợ chồng ông M, bà Ng còn nợ Ngân hàng N số tiền: 235.166.520 đồng.

Bao gồm:

- Nợ gốc : 200.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn : 33.590.246 đồng;
- Nợ lãi quá hạn : 1.576.274 đồng.

Do đó, Ngân hàng N khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

1. Buộc vợ chồng ông M, bà Ng phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 09/3/2020 với số tiền là: 235.166.520 đồng.

2. Buộc vợ chồng ông M, bà Ng tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 10/3/2020 đối với nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N.

3. Buộc các thành viên trong Hộ ông M tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/HĐTC ngày 26/6/2017 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/PL-HĐTC ngày 26/6/2018 đã ký với Ngân hàng N để đảm bảo thi hành án.

4. Trường hợp vợ chồng ông M, bà Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sẽ được Ngân hàng N phát mãi theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi để thu hồi nợ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09 tháng 3 năm 2020, người được ủy quyền lại của Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn là ông Trần Văn M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Minh Ng và anh Trần Phi N: Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ

án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hồ Thị Thảo L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn là ông Trần Văn M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Minh Ng và anh Trần Phi N thì không chấp hành quy định tại Điều 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc vợ chồng ông M, bà Ng phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ vay là: 235.166.520 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 200.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 09/3/2020 là 35.166.520 đồng.

- Buộc vợ chồng ông M, bà Ng tiếp tục trả lãi phát sinh tính từ ngày 10/3/2020, với mức lãi suất thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng mà vợ chồng ông M, bà Ng đã ký với Ngân hàng N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

- Buộc các thành viên trong Hộ ông M phải tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/HĐTC ngày 26/6/2017 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/PL-HĐTC ngày 26/6/2018 đã ký với Ngân hàng N để đảm bảo thi hành án.

- Buộc vợ chồng ông M, bà Ng phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện vợ chồng ông M, bà Ng, yêu cầu ông M, bà Ng phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.A/HĐTD ngày 26/6/2017 và Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.B/HĐTD ngày 26/6/2018. Đồng thời, yêu cầu các thành viên

trong Hộ ông M phải duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/HĐTC ngày 26/6/2017 đã ký với Ngân hàng N để đảm bảo thi hành án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông M, bà Ng trú tại thôn H2, xã Q, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Về việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt: Vào ngày 09/3/2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hồ Thị Thảo L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện nguyên đơn.

[1.4] Xử lý việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M, bà Ng, anh N đều vắng mặt. Đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Vì thế, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông M, bà Ng, anh N tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông M, bà Ng, anh N vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ, ông M, bà Ng, anh N đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào các Điều 6, 72, 91, 96, 199 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Cùng với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ, tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà Ng, anh N và làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc buộc vợ chồng ông M, bà Ng phải trả số tiền đã vay. Bao gồm: Nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn, tính đến ngày 09/3/2020 với số tiền là: 235.166.520 đồng.*

Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Tại Giấy đề nghị vay vốn và Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.A/HĐTD cùng ngày 26/6/2017, Giấy ủy quyền số: 050-936-895/UQ ngày 25/6/2018 về việc: “Bà Ng ủy quyền cho ông M vay vốn”, Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.B/HĐTD và Phụ lục hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.A/PLHĐTD cùng ngày 26/6/2018, Phiếu theo dõi kỳ hạn trả nợ và Bảng kê tính lãi tích lũy của khách hàng Trần Văn M, cùng với các chứng từ thanh toán thể hiện: Giao dịch giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S với vợ chồng ông M, bà Ng được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, đúng

quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật các Tổ chức tín dụng. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định: Đây là giao dịch hợp pháp, là căn cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng N đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ nêu trên, yêu cầu vợ chồng ông M, bà Ng phải thanh toán các khoản nợ vay. Ngân hàng N chứng minh được việc vợ chồng ông M, bà Ng đã vi phạm Điều 4 của 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, tức là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 09/3/2020 là ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông M, bà Ng còn nợ Ngân hàng N số tiền: 235.166.520 đồng. Bao gồm: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 33.590.246 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.576.274 đồng.

Xét thấy: Từ ngày 26/6/2019, các khoản nợ vay của vợ chồng ông M, bà Ng đã chuyển sang nợ quá hạn, vợ chồng ông M, bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp của mình, Ngân hàng N có quyền khởi kiện và áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm việc thu hồi nợ vay. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng N đã cung cấp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì vợ chồng ông M, bà Ng và anh N đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về mức lãi suất và phương thức tính lãi: Ngân hàng N áp dụng mức lãi suất đối với cá nhân, hộ gia đình vay vốn có bảo đảm bằng tài sản thế chấp, được Ngân hàng N điều chỉnh theo từng thời kỳ. Đối với Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.A/HĐTD ngày 26/6/2017, lãi suất hiện tại là: 10,2%/năm, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Còn Hợp đồng tín dụng số: 050-936-895.B/HĐTD ngày 26/6/2018, lãi suất hiện tại là: 07%/năm, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn.

Thấy rằng: Mức lãi suất và phương thức tính lãi của Ngân hàng N thể hiện tại Bảng kê tính lãi là đúng như sự thỏa thuận giữa hai bên, thể hiện tại Điều 7 của 02 Hợp đồng tín dụng. Phù hợp với Điều 16 và Điều 17 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cũng phù hợp với Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Theo đó: Mức lãi suất cho vay do Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Mức lãi suất đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong Hợp đồng tín dụng.

[2.3] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận. Vì vậy, vợ chồng ông M, bà Ng còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ

ngày 10/3/2020 với mức lãi suất thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng mà vợ chồng ông M, bà Ng đã ký với Ngân hàng N cho đến khi thi hành án xong.

[2.4] *Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc buộc các thành viên của Hộ ông Trần Văn M phải tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/HĐTC ngày 26/6/2017 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/PL-HĐTC ngày 26/6/2018 để đảm bảo thi hành án.*

Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Ng và anh N là các thành viên trong Hộ ông M đã lập Hợp đồng ủy quyền số 0632/HĐ-UQ ngày 22/6/2017 và Giấy ủy quyền ngày 25/6/2018; Ủy quyền cho ông M vay vốn và thế chấp tài sản cho Ngân hàng N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/HĐTC ngày 26/6/2017 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/PL-HĐTC ngày 26/6/2018, được công chứng tại Văn phòng Công chứng C và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh huyện Ninh Sơn vào ngày 26/6/2017.

Do vợ chồng ông M, bà Ng phải có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng N. Vì vậy, các thành viên trong Hộ ông M phải có nghĩa vụ tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án. Trường hợp vợ chồng ông M, bà Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sẽ được Ngân hàng N phát mãi theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi để thu hồi nợ vay.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 3.000.000 đồng. Ngân hàng N đã nộp đủ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận. Vì vậy, theo quy định tại Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vợ chồng ông M, bà Ng phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mà Ngân hàng N đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí: Vợ chồng ông M, bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Còn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, 158, 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 102, 212, 280, 299, 320, 357 và 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4 và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản”.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Văn M, bà Lê Thị Minh Ng phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ vay là: 235.166.520 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng).

Bao gồm:

- Nợ gốc : 200.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn : 33.590.246 đồng;
- Nợ lãi quá hạn : 1.576.274 đồng.

3. Kể từ ngày 10/3/2020, vợ chồng ông Trần Văn M, bà Lê Thị Minh Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 02 (Hai) Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà vợ chồng ông M, bà Ng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

4. Buộc các thành viên trong Hộ ông Trần Văn M (Gồm có: ông Trần Văn M, bà Lê Thị Minh Ng, anh Trần Phi N) phải tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/HĐTC ngày 26/6/2017 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 050-936-895.I/PL-HĐTC ngày 26/6/2018 đã ký với Ngân hàng N để đảm bảo thi hành án.

5. Trường hợp vợ chồng ông Trần Văn M, bà Lê Thị Minh Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sẽ được Ngân hàng N phát mãi theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi để thu hồi nợ vay.

6. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Trần Văn M, bà Lê Thị Minh Ng phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

7. Về án phí: Vợ chồng ông Trần Văn M, bà Lê Thị Minh Ng phải chịu: 11.758.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền: 5.510.000 đồng (Năm triệu năm trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018795 ngày 23

tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng vắng mặt; Quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Xuân

